
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.31	-0.24	0.15	0.00	3Y	1.44	-0.032
1W	2.36	-0.27	0.20	0.00	5Y	1.49	-0.019
2W	2.34	-0.26	0.25	-0.01	7Y	1.68	0.009
1M	2.23	-0.25	0.34	0.01	10Y	2.26	0.000
2M	2.39	-0.14	0.45	0.04	15Y	2.59	-0.009
3M	2.41	-0.14	0.56	0.03			
6M	2.60	-0.20	0.84	0.06			
9M	2.77	-0.17	1.12	-0.01			
1Y	2.96	-0.14	1.17	-0.01			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
02-03-22	1	14	2.50	10,000	-	1,878.00	- 1,878.00	1,596.12
01-03-22	1	14	2.50	10,000	678.12	-	678.12	3,474.12
28-02-22	1	14	2.50	10,000	-	520.00	- 520.00	2,796.00

Thị trường TPCP sơ cấp

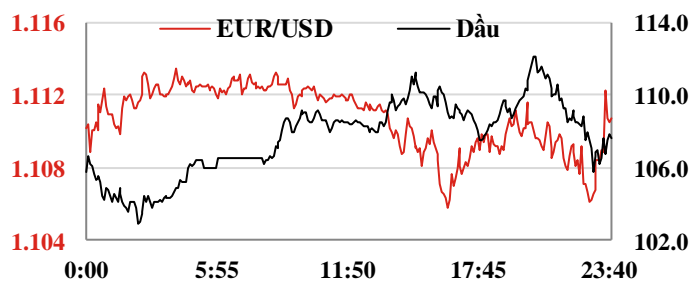
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	2-Mar-22	10	2000	1500	2.15%	0.03%
MOF	2-Mar-22	15	2000	1000	2.45%	0.03%
MOF	2-Mar-22	30	1000	1000	3.00%	0.02%
Tổng			5000	3500		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1485.52	442.25	111.80
%/ngày	-0.88%	-0.30%	-0.52%
%/31/12/2021	-0.85%	-6.7%	-0.8%
KLGD (tr.đ.vị)	941.55	104.74	74.6
GTGD (tỷ đ)	30326.61	3371.69	1625.45
NDINN mua (tỷ đ)	1116.50	35.24	0.45
NDINN bán (tỷ đ)	2281.85	30.85	0.23

Tin trong nước ngày 02/03

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 02/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.133 VND/USD, tiếp tục giảm 04 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.780 VND/USD, giảm tiếp 10 đồng so với phiên 01/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở chiều mua vào và 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.420 VND/USD và 23.520 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 02/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,24 – 0,27 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,31; 1W 2,36%; 2W 2,34 và 1M 2,23%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W và tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở kỳ hạn 7Y, đi ngang ở kỳ hạn 10Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 1,44%; 5Y 1,49%; 7Y 1,68%; 10Y 2,26%; 15Y 2,59%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, trong ngày có 1.878 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 1.878 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này giảm xuống 1.596,12 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 02/03, KBNN huy động thành công 3.500/5.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 70%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 1.500/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.000/2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động được toàn bộ 1.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 2.15%/năm (+0,03%); 2,45%/năm (+0,03%) và 3%/năm (+0,02%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường tiêu cực khi cả 3 sàn đều chìm trong sắc đỏ. Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.485,52 điểm, giảm 13,26 điểm (-0,88%); HNX-Index giảm 1,31 điểm (-0,30%) xuống 442,25 điểm; UPCoM-Index giảm 0,58 điểm (-0,52%) còn 111,80 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức cao với tổng giá trị giao dịch đạt gần 35.300 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng mạnh hơn 1.160 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- IHS Markit vừa công bố báo cáo chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tháng 02/2022.** Sau khi đạt 53,7 điểm vào tháng 01/2022, chỉ số PMI tiếp tục tăng lên 54,3 điểm trong tháng 02/2022. Chỉ số này báo hiệu một sự tăng trưởng đáng kể, đồng thời cho thấy các điều kiện kinh doanh hiện đã được cải thiện, trong đó có ba điểm nhấn đáng chú ý: Sản lượng và đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ cao nhất trong mười tháng; Tỷ lệ tạo việc làm chỉ ở mức khiêm tốn và các vấn đề đang diễn ra với nguồn cung cấp nguyên liệu thô.



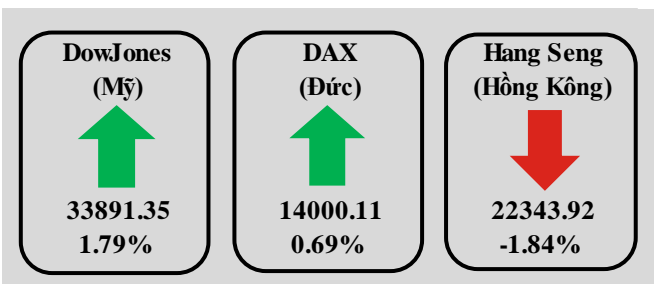
	2 Mar 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	97.39	-0.02%	1.24%	1.48%
USD/CNY	6.32	0.15%	0.12%	-0.49%
USD/EUR	0.90	0.04%	1.69%	2.22%
USD/JPY	115.50	0.53%	0.46%	0.36%
USD/KRW	1203.16	-0.18%	0.90%	1.28%
USD/SGD	1.35	-0.28%	0.52%	0.32%
USD/TWD	28.01	-0.18%	0.47%	1.09%
USD/THB	32.51	-0.55%	0.77%	-2.17%
USD/VND Trung tâm	23133	-0.02%	0.01%	-0.05%
USD/VND LNH	22780	-0.04%	-0.24%	-0.05%
USD/VND tự do	23420	-0.21%	-0.13%	-0.13%
Vàng	1926.11	-0.88%	0.97%	5.34%
Dầu	110.60	6.95%	20.09%	47.05%

Tin quốc tế

- Thị trường lao động tại Mỹ đón thông tin tích cực.** Hãng Xử lý Dữ liệu Tự động ADP Mỹ khảo sát cho biết lĩnh vực phi nông nghiệp của nước này tạo ra 475 nghìn việc làm mới trong tháng 2 vừa qua, cao hơn so với mức 378 nghìn theo kỳ vọng. Bên cạnh đó, kết quả của tháng 1 được điều chỉnh, chính thức tăng 509 nghìn việc làm mới, trái với kết quả giảm 301 nghìn việc làm theo dữ liệu sơ bộ. Tháng 2 là tháng thứ 14 liên tiếp mà nước Mỹ tạo ra việc làm mới ở lĩnh vực này. Về chi tiết, các doanh nghiệp nhỏ giảm 96 nghìn việc làm trong tháng vừa qua, các doanh nghiệp tầm trung tạo ra 18 nghìn và các doanh nghiệp lớn tạo ra 552 nghìn việc làm mới.
- Áp lực lạm phát tại khu vực Eurozone lớn hơn so với dự báo.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại khu vực này lần lượt tăng 5,8% và 2,7% y/y trong tháng 2, cùng cao hơn mức 5,1% và 2,3% của tháng 1, đồng thời cùng cao hơn so với mức 5,6% và 2,6% theo dự báo. Nhiều ý kiến cho rằng với đà tăng của giá dầu như những ngày vừa qua, khả năng CPI tại Eurozone sẽ nhảy vọt ở tháng 3, gây sức ép cho NHTW Châu Âu ECB. Trong tuần tới, NHTW này sẽ có cuộc họp vào ngày 10/03. Rất có thể ECB sẽ có những thay đổi đáng chú ý về CSTT nhằm giảm áp lực lạm phát.
- Kinh tế nước Úc tăng trưởng tốt trong quý cuối năm 2021.** Cụ thể, Văn phòng Thống kê Úc cho biết GDP của nước này tăng 3,4% q/q trong quý 4/2021, sau khi giảm 1,9% ở quý trước đó, gần đạt mức tăng 3,5% theo dự báo của các chuyên gia. Như vậy, GDP của nước Úc đã tăng 4,2% trong năm 2021, gấp đôi mức tăng khoảng 2,0% thường thấy trước thời kỳ dịch bệnh. Đóng góp lớn nhất vào đà tăng GDP chung là sự bùng nổ về chi tiêu hộ gia đình, khi chỉ số này tăng tới 6,3% trong năm vừa qua. Bloomberg cho rằng kết quả kinh tế này đưa đến kỳ vọng rằng tỷ lệ thất nghiệp của nước Úc sẽ giảm và mức lương của người dân sẽ tăng trong tương lai, bất chấp sự xuất hiện của biến thể Omicron, do nước Úc đã hoàn toàn sống chung với dịch bệnh.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
02 - 03	7:30	***	GDP Úc qq Q4	3,4	3,5	-1,9
02 - 03	17:00	**	CPI sơ bộ Eurozone yy T2	5,8	5,6	5,1
02 - 03	17:00	**	CPI lõi sơ bộ Eurozone yy T2	2,7	2,6	2,3
02 - 03	20:15	***	Số việc làm thay đổi lĩnh vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T2	475K	378K	509K
03 - 03	7:30	*	Số cấp phép xây dựng tại Úc mm T1		-2,9	8,2
03 - 03	7:30	*	Cán cân thương mại Úc T1		9,00B	8,36B
03 - 03	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T2		55,8	55,8
03 - 03	16:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Anh T2		60,8	60,8
03 - 03	20:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ ww		223K	232K
03 - 03	22:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ ISM Mỹ T2		61,2	59,9



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	₫Đ	USD	₫Đ	USD	₫Đ
ON	0.0794	0.0024				
1M	0.2424	0.0079	0.4364	0.0000	0.0497	0.0000
3M	0.5221	0.0113	0.5905	-0.0009	0.0493	0.0000
6M	0.7959	0.0320	0.6545	-0.0009	0.0493	0.0000
1Y	1.2183	0.0416				

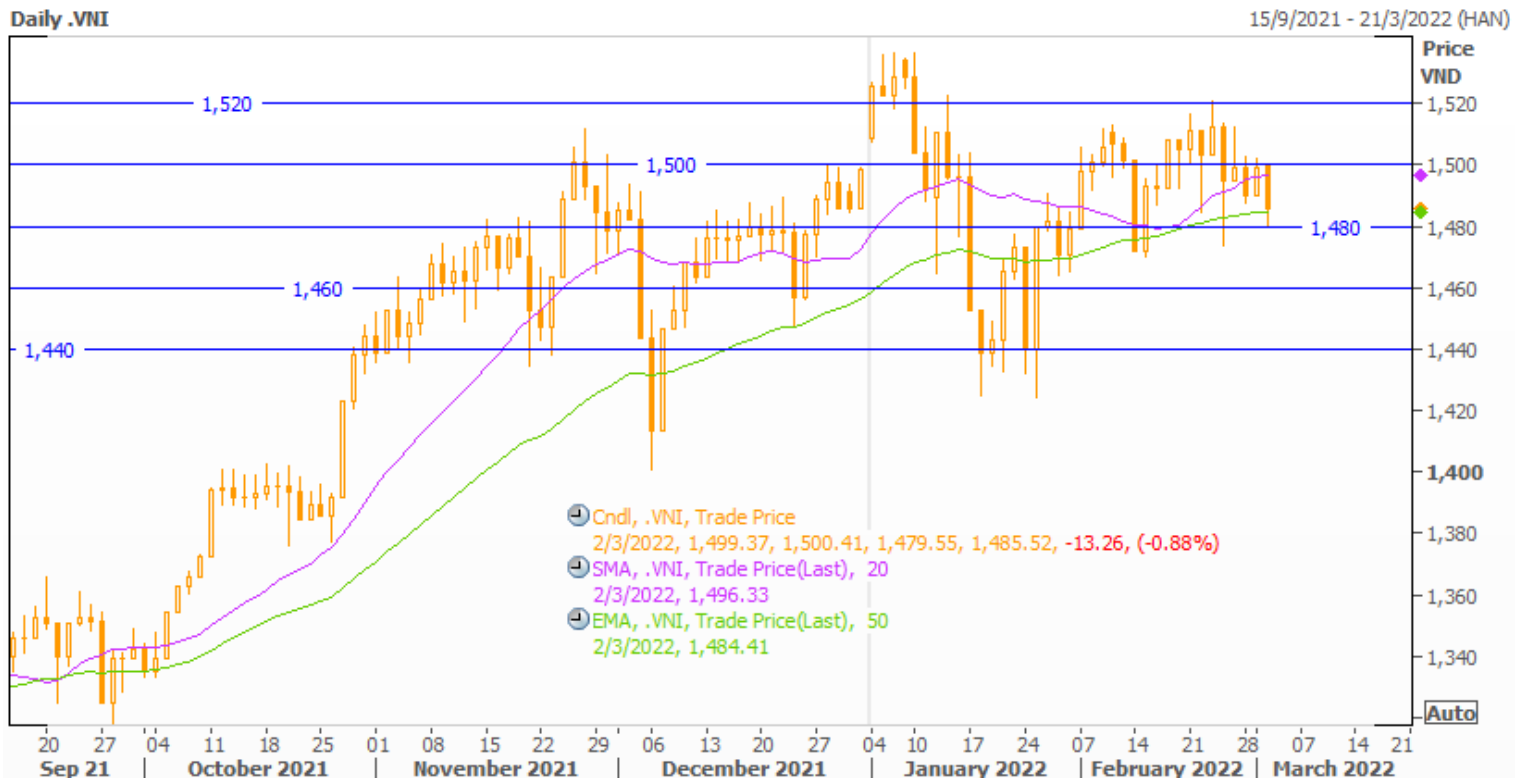
Số liệu SIBOR ngày 01/03/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	15/03/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	10/03/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	17/03/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/03/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/04/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

VN-INDEX



VN-Index giảm xuống mức 1485,52 điểm. Trong ngắn hạn, dự báo VN-Index có thể sẽ biến động giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.450-1.500 điểm để ổn định cung cầu.

Nguỡng hỗ trợ: 1.460 – 1.440

Nguỡng kháng cự: 1.500 – 1.520

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn